

Số: 2600/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ - CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ -CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 324/TTr-SLĐTBXH ngày 20/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 07 danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. (có Phụ lục danh mục kèm theo).

Điều 2. Sửa đổi tên lĩnh vực "DẠY NGHỀ" thành "GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP". Sửa đổi thời hạn giải quyết đối với 07 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Người có công cấp tỉnh (Số thứ tự 22), Người có công cấp huyện (Số thứ tự 05); Lao động - Tiền lương cấp tỉnh (Số thứ tự 39, 40); Bảo trợ xã hội cấp tỉnh (Số thứ tự 80); Bảo trợ xã hội cấp huyện (Số thứ tự 12); An toàn vệ sinh lao động cấp tỉnh (Số thứ tự 70) đã được quy định tại Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

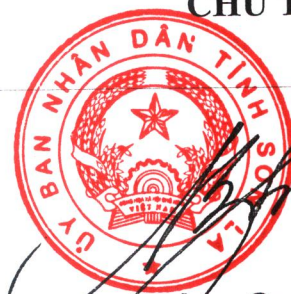
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 8

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Dữ (50b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Ban hành lập

Quyết định số: 2600/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG:					
1	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	55 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động - TBXH tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích	Không	- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. - Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - TBXH hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.
II	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG:					
2	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách	12 ngày làm việc	Nộp qua Văn thư của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu.					- Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động - TBXH hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
3	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III).	15 ngày làm việc	Nộp qua Văn thư của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sơn La	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích	Không	- Thông tư số 23/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/8/2005 của Bộ lao động - TBXH hướng dẫn xếp hạng và xếp lương đối với thành viên chuyên trách hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc, phó tổng giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng công ty Nhà nước; - Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; - Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động - TBXH hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
III LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI:						
4	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	10 ngày làm việc	Cơ sở BTXH	Dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, chính công ích	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. (Thay thế Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/7/2021). - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLDTBXH-BTC của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính ngày 24 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
IV.	LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG:					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
5	Hỗ trợ chi phí huấn luyện thông qua Tổ chức huấn luyện cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	15 ngày làm việc	Nộp qua Văn thư của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích	Không	- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015. - Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. - Thông tư số 19/2017/TT-BLĐTBXH ngày 03/7/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I.	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG:	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
6	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chính hình; đi điều trị phục hồi chức năng	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thành phố	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện, bưu chính công ích	Không	Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 3/6/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chính hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sĩ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.
II. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI:						
7	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	10 ngày làm việc	Cơ sở BTXH	Dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. (Thay thế Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/7/2021). - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLDTBXH-BTC của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính ngày 24 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

